



dèng zi

凳子

Noun · Stool

Example Sentences

zhè shì yí gè dèng zi
这是一个凳子。

This is a stool.

chú fáng lǐ yǒu yī zhāng hóng sè de mù tóu dèng zi
厨房里有一张红色的木头凳子。

There is a red wooden stool in the kitchen.

qǐng zuò zài dèng zi shàng xiū xiá
请坐在凳子上休息一下。

Please sit on the stool and rest for a while.

Trace each character, then write the word on your own.

凳	凳	凳	凳	凳	凳	凳	凳	凳	凳	凳
子	子	子	子	子	子					